TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 510/2026/HS-ST
Ngày 19 – 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần N

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Phan Anh D

2/Bà Thiều Thị Phi L

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng N, cán bộ Tòa án khu vực 1 – Đồng Nai.

- Đại diện VKS nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng T - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 445/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 470/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Cao Sơn T, sinh năm 1986. Tên gọi khác: không ; giới tính: Nam;căn cước công dân: 075086018409; cấp ngày 08 tháng 5 năm 2021; nơi cấp Cục quản lý hành chính về Trật tự xã hội; nơi cư trú: 104/517, khu phố 16, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai). Nơi ở hiện tại: tổ 33, khu phố 17, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh ; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; con ông Cao Sơn T, sinh năm 1950 (còn sống); con bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1957 (còn sống); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02, có vợ là Phan Như T và có 02 con sinh năm 2014, 2016; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại.

2. Lê Nguyễn Thanh L, sinh năm 1986. Tên gọi khác: không; giới tính: Nữ; căn cước công dân: Căn cước công dân: 075186017853; cấp ngày 16 tháng 7

năm 2025; nơi cấp Cục quản lý hành chính về Trật tự xã hội; nơi cư trú: 43/34, khu phố 5, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; con ông Lê Trọng Đ, sinh năm 1962 (còn sống); con bà: Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1962 (còn sống); gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 02, có chồng là Đỗ Duy Th (đã ly hôn) và có 02 con sinh năm 2011, 2013 ; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại.

Các bị cáo có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Bà Hoàng Thị Hồng V, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: 22C/39, khu phố 5, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Sơn T và Lê Nguyễn Thanh L có quen biết với nhau từ năm 2019. Do bà Hoàng Thị Hồng V, ngụ tại: khu phố 5, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai là người quen của L có nhu cầu vay tiền để kinh doanh nên L đã giới thiệu để Thọ cho bà V vay tiền với lãi suất 0.5%/ngày (tương đương với lãi suất 183%/năm) và thỏa thuận Thọ sẽ chia cho L một phần tiền lãi thu được xem như tiền hoa hồng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Nai xác định từ ngày 23/7/2025 đến ngày 18/10/2025, L đã giới thiệu để Thọ cho bà V vay tiền 03 lần để T và L thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 23/7/2025, do cần tiền nên bà V liên hệ với L thì L đã liên hệ với T để giới thiệu T cho bà V vay tiền. Khi được L liên hệ thì T đồng ý cho bà V vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) với lãi suất 0.5%/ngày (tương đương với lãi suất 183%/năm) và tiền lãi bà V phải trả mỗi ngày là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thọ yêu cầu bà V phải thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin nên bà V đã thế chấp cho Thọ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 170, tờ bản đồ số 25, có địa chỉ tại phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) cho T. Sau đó, T sử dụng tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19135212882015 của Thọ để chuyển 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng BIDV số 6700616386 của bà V.

Lần 2: Ngày 26/7/2025, bà V tiếp tục nhờ L liên hệ với T để vay thêm 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) thì T đồng ý cho bà V vay với

lãi suất 0.5%/ngày (tương đương với lãi suất 183%/năm) và tiền lãi bà V phải trả mỗi ngày là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, T yêu cầu bà V phải làm hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất cho T đối với thửa số 170, tờ bản đồ số 25, có địa chỉ tại phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai). Sau khi bà V ký hợp đồng ủy quyền thì T đã sử dụng tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19135212882015 của T để chuyển 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng BIDV số 6700616386 của bà V. Đến ngày 07/8/2025, bà V nhờ L hẹn gặp T tại Phòng công chứng "Nguyễn Th" thuộc phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai để thanh toán tiền nợ của cả 02 lần vay thì T đã nhắn tin cho L biết số tiền lãi bà V phải trả như sau:

+ Tiền lãi từ ngày 23/7/2025 đến 07/8/2025 (15 ngày) của 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) bà V vay lần 01 là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

+ Tiền lãi từ ngày 26/7/2025 đến 07/8/2025 (12 ngày) của 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) bà V vay lần 02 là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Khi gặp mặt tại Phòng công chứng "Nguyễn Th" thì bà V và T đã làm thủ tục hủy bỏ hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất đối với thửa số 170, tờ bản đồ số 25, có địa chỉ tại phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) và bà V đã trả cho T tổng cộng 910.000.000 đồng (Chín trăm mười triệu đồng) gồm: 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc của 02 lần vay và 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền lãi của 02 lần vay. Sau đó, T đã chia cho L 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Tổng số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 20%/năm mà T được hưởng trong 02 lần cho bà V vay là 6.575.343 đồng (Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng), tổng số tiền T thu lợi bất chính là 53.424.657 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính L được T chia là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Lần 3: Ngày 18/10/2025, bà V tiếp tục nhờ L liên hệ với T để vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và thế chấp cho Thọ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 103, tờ bản đồ số 179, có địa chỉ tại phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Long Bình, thành phố Đồng Nai). T đồng ý cho bà V vay với lãi suất 0.5%/ngày (tương đương với lãi suất 183%/năm) và tiền lãi bà V phải trả mỗi ngày là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). T sử dụng tài khoản Ngân hàng ACB của T số 69998868 chuyển

200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng ACB của L số 579579968 để L chuyển cho bà V và bà V đã sử dụng số tiền này trả nợ cho L hết. Ngày 28/10/2025, bà V trả cho T tiền lãi 10 ngày (từ 18/10/2025 đến 28/10/2025) là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Đến ngày 30/10/2025, bà V trả cho T 202.000.000 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu đồng) gồm 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lãi của 02 ngày 29/10/2025 và 30/10/2025 để kết thúc khoản vay nên T đã trả lại cho bà V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 103, tờ bản đồ số 179, có địa chỉ tại phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Long Bình, thành phố Đồng Nai). Sau đó, T đã chia cho L 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) trong tổng số tiền lãi 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) mà bà V đã trả cho T. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 20%/năm mà T được hưởng trong khoản vay này là 1.315.068 đồng (Một triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng), số tiền T thu lợi bất chính là 10.684.932 đồng (Mười triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính L được T chia là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 15/01/2026, bà Hoàng Thị Hồng V đã làm đơn tố giác Cao Sơn T và Lê Nguyễn Thanh L gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Nai). Qua xác minh, ngày 09/02/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Nai đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Cao Sơn T và Lê Nguyễn Thanh L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" để điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra đã xác định Lê Nguyễn Thanh L đã giới thiệu để Cao Sơn T cho bà Hoàng Thị Hồng V vay tiền 03 lần với lãi suất 0.5%/ngày (tương đương với lãi suất 183%/năm) đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính. Số tiền gốc Cao Sơn T sử dụng để cho vay là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền đã thu lợi bất chính là 64.109.589 đồng (Sáu mươi bốn triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính Lê Nguyễn Thanh L hưởng lợi do được Cao Sơn T chia là 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 15 Cao Sơn T sau khi sử dụng vào việc phạm tội đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Nai không thu giữ được.

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 14 Promax màu tím (đã qua sử dụng) là

phương tiện của bị cáo Lê Nguyễn Thanh L đã sử dụng vào việc phạm tội;

- 8.600.000 đồng (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng) do bị cáo Lê Nguyễn Thanh L giao nộp để khắc phục tiền thu lợi bất chính.

Tại Cáo trạng số 287/CT-VKSKV1-ĐN ngày 06/7/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo Cao Sơn T; Lê Nguyễn Thanh L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Cao Sơn T; Lê Nguyễn Thanh L về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Cao Sơn T mức 80.000.000 đồng (tám mươi triệu) đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu).

Bị cáo Lê Nguyễn Thanh L mức 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu).

Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 tuyên:

- Buộc bị cáo Cao Sơn T phải nộp lại 7.890.411 đồng (Bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Cao Sơn T phải nộp lại 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) là phương tiện đã sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Cao Sơn T phải trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng V 55.709.589 đồng (Năm mươi lăm triệu bảy trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà Vân. Buộc bị cáo Lê Nguyễn Thanh L phải trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng V 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà V. Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.600.000 đồng (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng) do bị cáo Lê Nguyễn Thanh L đã giao nộp để thi hành án theo quy định pháp luật. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím (đã qua sử dụng) là phương tiện của bị cáo Lê Nguyễn Thanh L đã sử dụng vào việc phạm tội;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng

cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận như sau: Từ ngày 23/7/2025 đến ngày 18/10/2025, bị cáo Lê Nguyễn Thanh L đã giới thiệu để bị cáo Cao Sơn T cho bà Hoàng Thị Hồng V vay tiền 03 lần với lãi suất 0.5%/ngày (tương đương với lãi suất 183%/năm) đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính. Số tiền gốc bị cáo Cao Sơn T sử dụng để cho bà Hoàng Thị Hồng V vay là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền đã T đã thu lợi bất chính là 64.109.589 đồng (Sáu mươi bốn triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng). Số tiền thu lợi bất chính bị cáo Lê Nguyễn Thanh L hưởng lợi do được bị cáo Cao Sơn T chia là 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Đến ngày 09/02/2026, bị cáo Cao Sơn T và bị cáo Lê Nguyễn Thanh L bị khởi tố để điều tra, xử lý.

Lời khai nhận này của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Cao Sơn T; bị cáo Lê Nguyễn Thanh L phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự, như nội dung cáo trạng đã truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa ngày hôm nay.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn xâm phạm đến quyền và lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng vì mục đích thu lợi bất chính các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo không có

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Cao Sơn T và Lê Nguyễn Thanh L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Vai trò của từng bị cáo trong vụ án, nhận thấy: bị cáo T, bị cáo L là có mối quan hệ quen biết, nảy sinh ý định và rủ nhau cùng thực hiện hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các bị cáo là đồng phạm giản đơn và bị cáo T trực tiếp dùng tiền cho bà V vay và chia tiền thu lợi bất chính lại cho bị cáo L nên bị cáo T sẽ có mức án cao hơn bị cáo L.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đảm bảo sự nghiêm minh của phát luật và việc giáo dục, răn đe phòng ngừa chung; thể hiện tính nhân đạo, sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Cao Sơn T phải nộp lại 7.890.411 đồng (Bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Cao Sơn T phải nộp lại 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) là phương tiện đã sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Cao Sơn T phải trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng V 55.709.589 đồng (Năm mươi lăm triệu bảy trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà V.

- Buộc bị cáo Lê Nguyễn Thanh L phải trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng V 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà V.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.600.000 đồng (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng) do bị cáo Lê Nguyễn Thanh L đã giao nộp để thi hành án theo quy định pháp luật.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím (đã qua sử dụng) là phương tiện của bị cáo Lê Nguyễn Thanh L đã sử dụng vào việc phạm tội;

[5] Về án phí: Bị cáo T, bị cáo L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm i; s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015

- Tuyên bố bị cáo Cao Sơn T và bị cáo Lê Nguyễn Thanh L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- **Xử phạt:** bị cáo Cao Sơn T 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*).

- **Xử phạt:** bị cáo Lê Nguyễn Thanh L 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*).

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Buộc bị cáo Cao Sơn T phải nộp lại 7.890.411 đồng (Bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Cao Sơn T phải nộp lại 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) là phương tiện đã sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Cao Sơn T phải trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng V 55.709.589 đồng (Năm mươi lăm triệu bảy trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà V.

- Buộc bị cáo Lê Nguyễn Thanh L phải trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng V 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà V.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím (đã qua sử dụng) là phương tiện của bị cáo Lê Nguyễn Thanh L đã sử dụng vào việc phạm tội;

(Theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Nai)

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.600.000 đồng (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng) do bị cáo Lê Nguyễn Thanh L đã giao nộp để thi hành án theo quy định pháp luật. (Theo Phiếu hạch toán nộp tiền mặt số 7150 ngày 16/01/2026 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – tỉnh Đồng Nai (nay thành phố Đồng Nai)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bị cáo Cao Sơn T; Lê Nguyễn Thanh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo T, bị cáo L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TP Đồng Nai;
- VKSND TP Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - ĐN;
- Sở Tư pháp TP Đồng Nai;
- Thi hành án Dân sự TP Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam Tân Triều
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần N

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)